TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2025.
V/v ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thái Hiệp.

2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 26/2025/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị P, sinh ngày 01/01/1980 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 5 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị Phượng trình bày: Bà và ông U xây dựng hôn nhân vào năm 1998. Đến năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau). Quá trình chung sống, có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thuý R, sinh ngày 15/9/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 03/4/2004. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, tự thoả thuận. Về nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được.

Vì vậy, nay bà yêu cầu ly hôn với ông U. Về con chung, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, bà và ông U

tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025: Ông thống nhất với bà P về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa ông và bà P không xảy ra mâu thuẫn gì nên ông không đồng ý ly hôn với bà P. Trường hợp có căn cứ cho bà P ly hôn với ông thì về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản chung, ông và bà P sẽ tự thoả thuận. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn, bà Dương Thị Phượng xác định: Mặc dù, bà và ông U vẫn đang sống chung nhà nhưng đã không còn sinh hoạt chung từ lâu, ăn riêng và ngủ riêng khoảng 4 đến 5 tháng nay. Bà và ông U cũng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Vì vậy bà xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông U.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn U xác đinh: Tình trạng hôn nhân giữa ông và bà P giống như bà P trình bày nhưng ông không muốn ly hôn ngay mà muốn kéo dài đến khi xong đám cưới con trai vào tháng 9 âm lịch thì mới ly hôn. Vì ông không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống của con và không muốn mất mặt với thông gia. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, cho bà P được ly hôn với ông U. Về con chung, các con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, bà P và ông U tự thoả thuận, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Dương Thị Phượng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn U. Khi khởi kiện, ông U có địa chỉ tại ấp B, xã H, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Dương Thị Phượng và ông Nguyễn Văn U tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là Uỷ ban nhân dân xã Hồng Dân, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 129/2012 vào ngày 04 tháng 7 năm 2012 nên hôn

nhân giữa bà P và ông U là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà Dương Thị Phượng xác định quá trình chung sống, bà và ông U bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Bà và ông U đã sống ly thân khoảng 2 năm nay mà không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù, bà và ông U vẫn đang sống chung nhà nhưng đã không còn sinh hoạt chung từ lâu, ăn riêng và ngủ riêng khoảng 4 đến 5 tháng nay. Bà và ông U cũng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Ông U cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa ông và bà P giống như bà P trình bày. Đồng thời, bản thân ông U cũng xác định ông chỉ muốn kéo dài hôn nhân với bà P đến khi con trai ông tổ chức xong đám cưới. Như vậy, ông U cũng đã không còn tình cảm, không còn muốn tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc với bà P. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông U đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được… Do đó, bà P yêu cầu được ly hôn với ông U là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông U có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thuý R, sinh ngày 15/9/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 03/4/2004. Hiện nay, cả hai cháu đều đã trưởng thành, bà P và ông U cũng không đặt ra yêu cầu về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Dương Thị Phượng và ông Nguyễn Văn U xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Dương Thị Phượng và ông Nguyễn Văn U xác định quá trình chung sống, không có nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Dương Thị Phượng phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 4 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị P đối với anh Nguyễn Văn U. Xử cho chị Dương Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Thuý Ril, sinh ngày 15/9/2000 và cháu Nguyễn Hoàng Đô, sinh ngày 03/4/2004 đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: Bà Dương Thị Phượng và ông Nguyễn Văn U xác định tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Dương Thị Phượng và ông Nguyễn Văn U xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Dương Thị Phượng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Dương Thị Phượng đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011362 ngày 11 tháng 7 năm 2025 của là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – Cà Mau được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự có tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- UBND xã H, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu